

2013

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013, kế hoạch hoạt động trong năm 2014 và các định hướng dài hạn của doanh nghiệp

Mục Lục

I. Thông tin chung.....	2
1. Thông tin khái quát.....	2
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
4.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy.....	4
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	5
4.3 Các Công ty con, Công ty liên kết:.....	9
5. Định hướng phát triển.....	9
6. Các rủi ro.....	10
6.1. Rủi ro về kinh tế.....	11
6.2. Rủi ro về luật pháp.....	11
6.3. Rủi ro đặc thù.....	11
6.4. Rủi ro tài chính.....	12
6.5. Rủi ro khác.....	13
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	13
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	13
2. Tổ chức và nhân sự.....	14
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	20
4. Tình hình tài chính.....	21
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	22
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....	23
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	23
2. Tình hình tài chính.....	24
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	25
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	25
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	26
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	26
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.....	27
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	28
V. Quản trị Công ty.....	29
1. Hội đồng quản trị.....	29
2. Ban Kiểm soát.....	31
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	35
VI. Báo cáo tài chính.....	36
1. Ý kiến kiểm toán.....	36
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	37

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103520 đăng ký lần đầu ngày 24/02/2006 và thay đổi lần thứ 10 ngày 25/02/2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp
- Vốn điều lệ: 29.885.180.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 29.885.180.000 đồng
- Địa chỉ: 21A Cát Linh, P. Cát Linh, Q.Đống Đa, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: (84-4) 3.845.5777
- Số fax: (84-4) 3.823.2325
- Website: www.ceco.com.vn
- Mã cổ phiếu: CEC

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất ngày nay tiền thân là Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất, được thành lập từ năm 1967, tách ra từ Viện Thiết kế tổng hợp thuộc Bộ Công nghiệp Năng.

Năm 1973 Tổng cục Hóa chất quyết định đổi tên Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất thành Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất.

Ngày 22 tháng 5 năm 1978 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 112/CP thành lập Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất với các nhiệm vụ chính như sau:

- Tiến hành nghiên cứu thí nghiệm các lĩnh vực khoa học kỹ thuật về quá trình công nghệ, thiết bị và máy hóa nhằm sớm đưa các công trình nghiên cứu ra phục vụ sản xuất, đổi mới kỹ thuật trong các nhà máy hóa chất đã xây dựng, từng bước trang bị kỹ thuật mới cho toàn bộ ngành công nghiệp hóa chất ở nước ta.

- Thiết kế các nhà máy, xí nghiệp sản xuất hóa chất trực tiếp phục vụ việc xây dựng và phát triển ngành công nghiệp hóa chất toàn quốc .

- Nghiên cứu giúp Tổng cục Hóa chất trong việc xét duyệt, tổ chức xây dựng các công trình và lựa chọn thiết bị hóa chất ... do nước ngoài đảm nhiệm.

Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất là đơn vị hoạt động khoa học thực hiện hạch toán kinh tế đầu tiên (từ năm 1977) của ngành hóa chất.

Năm 1993 để phù hợp với nền kinh tế thị trường, mở rộng thêm ngành nghề, Viện đã được Chính phủ đồng ý cho chuyển thành doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất (Quyết định số 370/QĐ-TCNSĐT ngày 17/6/1993) do Bộ Trưởng Bộ công nghiệp Năng ký).

Năm 2005 thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, Công ty đã lập phương án và được Bộ Công nghiệp phê duyệt, chuyển thành Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất (Theo quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 4 năm 2006 đến nay.

Ngày 16/05/2011, Công ty đã được UBCKNN chấp thuận việc đăng ký Công ty đại chúng với mức vốn điều lệ là 17.579.520 đồng.

Ngày 08/02/2013 Công ty hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ lên 29.885.180.000 đồng.

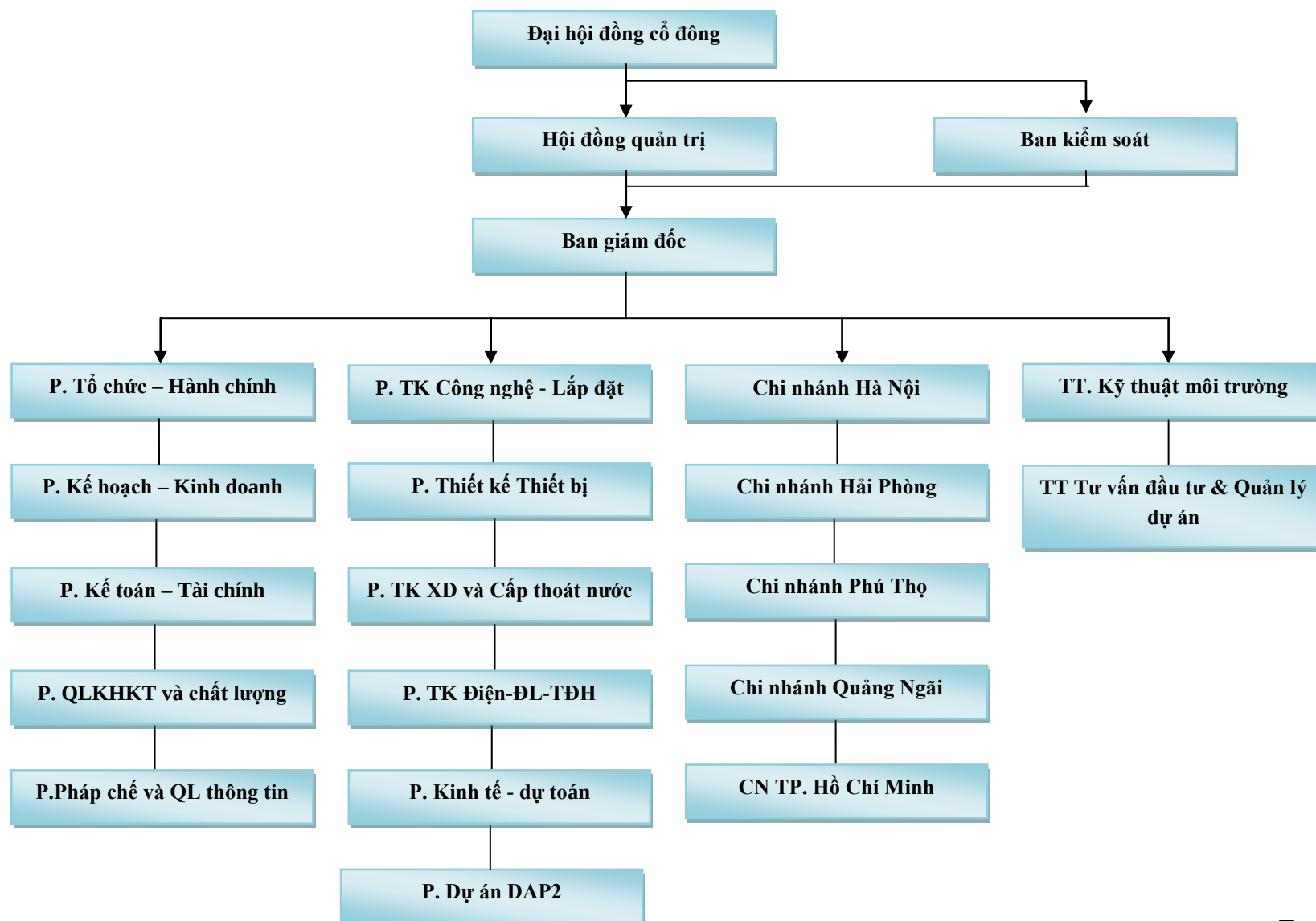
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính: Tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu...; quản lý dự án ĐTXD công trình: thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường....

- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh của Công ty trải khắp đất nước, trong đó tập trung chủ yếu vào các tỉnh như: Lào cai, Phú Thọ, Bắc Giang, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Quảng Ngãi, Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp hóa chất được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán
- Điều lệ Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2013;
- Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 26/7/2012 quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.

Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được điều lệ Công ty và pháp luật liên quan quy định: thông qua định hướng phát triển Công ty; tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; thông qua báo cáo tài chính hàng năm; bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; tổ chức lại và giải thể Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng Cổ đông. Cơ cấu HĐQT hiện nay của Công ty như sau:

Ông Đỗ Hiên Ngang	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT
Ông Đinh Đức Bộ	Thành viên HĐQT
Ông Phan Hoài Thanh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Công Thắng	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ. Cơ cấu BKS hiện nay của Công ty như sau:

Ông Nguyễn Văn Bang	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên ban kiểm soát

Ban giám đốc

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều hành các mảng hoạt động của Công ty theo chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận, báo cáo trực tiếp với Giám đốc.

Ban Giám đốc bao gồm 03 thành viên sau:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc
Ông Văn Đức Thắng	Phó giám đốc
Ông Lê Văn Lượng	Phó giám đốc

Các phòng ban chức năng***Phòng Tổ chức – Hành Chính***

- Nghiên cứu, xác lập cơ cấu tổ chức, bộ máy, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Công ty và các đơn vị trong Công ty. Xây dựng kế hoạch, định biên lao động hàng năm và từng thời kỳ theo phương hướng, kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Quản lý công tác tổ chức - cán bộ theo quy định phân cấp quản lý. Nghiên cứu, xây dựng Tiêu chuẩn viên chức chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty theo quy định của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty phù hợp với từng giai đoạn phát triển Công ty trình Giám đốc duyệt Ban hành. Tham gia soạn thảo Nội quy lao động, Quy chế trả lương, Quy định, Văn bản, Quyết định về công tác tổ chức - cán bộ, nhân sự và liên quan trình Giám đốc duyệt ban hành hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét duyệt, ban hành;
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, quy hoạch cán bộ, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ trong Công ty. Chuẩn bị và đề xuất đề cấp có thẩm quyền đề bạt, bổ nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty. Lựa chọn đề cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ tại Công ty hoặc khi cơ quan ngoài tổ chức (kể cả đi tham quan, thực tập, nghiên cứu trong, ngoài nước) trình Giám đốc duyệt;
- Quản lý, sử dụng con dấu của Công ty theo đúng Quy định của Nhà nước và của Công ty. Xử lý Công văn "đi", "đến" trước khi trình Giám đốc Công ty giải quyết, chuyển và truyền đạt Công văn, Chỉ thị đến Đơn vị hoặc người thi hành. Thực hiện chế độ bảo mật tài liệu và công tác văn thư trong cơ quan.

Phòng Kế toán – Tài chính

- Tổ chức bộ máy kế toán để thực hiện toàn bộ công việc tài chính, kế toán thống kê ở Công ty;
- Thực hiện các công tác liên quan đến các nguồn lực tài chính cho các hoạt động của Công ty. Lập kế hoạch thu, chi tài chính và các báo cáo về hoạt động tài chính của Công ty;

- Đảm bảo thực hiện đúng đắn, đầy đủ chế độ thống kê, kế toán tài chính theo quy định của nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Hướng dẫn nghiệp vụ và kiểm soát việc thực hiện các quy định về kế toán, thống kê, hạch toán nội bộ của các đơn vị trực thuộc. Chỉ đạo các đơn vị trong Công ty thực hiện đúng các quy định của nhà nước và Công ty về chế độ thống kê, kế toán, tài chính;
- Đảm bảo thực hiện thu, chi tài chính đúng chế độ hiện hành của nhà nước và các quy định nội bộ của Công ty. Đảm bảo trích nộp đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định về thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các nghĩa vụ khác đối với nhà nước;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ, phân tích kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và tình hình hoạt động tài chính của Công ty, đề xuất các biện pháp nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng doanh lợi, bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh của Công ty;
- Nghiên cứu, xây dựng các quy chế, các hướng dẫn có liên quan đến quản lý tài chính, kế toán, thống kê và hạch toán nội bộ trong Công ty.

Phòng Kế hoạch – Kinh doanh

- Nghiên cứu, tìm hiểu thị trường, chiến lược phát triển ngành có liên quan để định hướng hoạt động và kế hoạch phát triển sản xuất, kinh doanh trước mắt và lâu dài của Công ty;
- Tìm hiểu, quan hệ với các đối tác và tiếp cận thị trường để kiến tạo việc làm và thương thảo hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các đối tác trong và ngoài nước;
- Tổng hợp, cân đối, lập kế hoạch hàng tháng, quý, 6 tháng, năm và kế hoạch dài hạn về sản xuất, kinh doanh và các mặt hoạt động khác của Công ty, trình Giám đốc duyệt và bảo vệ kế hoạch trước cấp trên xét duyệt. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện theo kế hoạch được giao hoặc các công việc đột xuất khi Công ty yêu cầu.
- Phân tích đánh giá hiệu quả thực hiện các hợp đồng.

Phòng Pháp chế và Quản lý thông tin

- Thực hiện công tác pháp chế, tổ chức xây dựng quy chế; Kiểm tra, đánh giá, thanh tra nội bộ;
- Quản lý thông tin nội bộ, phát triển hệ thống tin học;
- Công tác cổ đông và quan hệ công chúng;
- Công tác thư ký lãnh đạo.

Phòng Quản lý khoa học, kỹ thuật và chất lượng

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học và chất lượng của các bộ phận trong Công ty;
- Tổ chức và chủ trì việc biên soạn, cải tiến, phổ biến các tài liệu quản lý chất lượng.
- Giúp Giám đốc quản lý các hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng do Công ty đăng ký áp dụng. Thực hiện vai trò đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của ISO 9000 hiện áp dụng tại Công ty.

Phòng Thiết kế Công nghệ - Lắp đặt

- Thực hiện công tác thiết kế, giám sát thuộc chuyên ngành công nghệ, lắp đặt thiết bị, đường ống và các hoạt động tư vấn xây dựng khác.

Phòng Thiết kế Thiết bị

- Thực hiện công tác thiết kế, giám sát chế tạo thiết bị ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Thực hiện các hoạt động tư vấn xây dựng khác.

Phòng Thiết kế Xây dựng và Cấp thoát nước

- Thực hiện công tác thiết kế, giám sát thuộc chuyên ngành xây dựng, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy và các hoạt động tư vấn xây dựng khác.

Phòng Thiết kế Điện – Đo lường – Tự động hóa

- Thiết kế cung cấp điện động lực, chiếu sáng cho toàn bộ công trình, cho các nhà sản xuất chính và các công trình phụ trợ hành chính, sinh hoạt;
- Giám sát tác giả, giám sát thi công lắp đặt, tham gia điều chỉnh thiết kế cho phù hợp với thực tế thi công khi cần thiết, nghiệm thu chạy thử các hạng mục thiết kế thuộc trách nhiệm thiết kế của Phòng; Thẩm tra các hạng mục thiết kế điện - đo lường - tự động hóa có liên quan do cơ quan khác lập khi có yêu cầu.

Phòng Kinh tế - Dự toán

- Thực hiện công tác lập dự toán, tổng mức đầu tư, phân tích kinh tế dự án, hiệu quả kinh tế dự án.
- Thẩm tra, thẩm định dự toán, tổng mức đầu tư.
- Thu thập, cung cấp thông tin, tài liệu chuyên môn, nghiệp vụ và các văn bản pháp quy liên quan đến công tác dự toán, định mức, đơn giá, lập cơ sở dữ liệu về giá công trình theo phiếu giao việc, đề tài nội bộ.
- Các công việc khác liên quan đến công tác chuyên môn nghiệp vụ, kinh tế dự án khác.

Phòng Dự án DAP2

- Là đầu mối quản lý dự án; công tác tiến độ, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình; quản lý hồ sơ dự án; quản lý chất lượng thi công công trình;
- Tổ chức các cuộc họp, buổi làm việc, công tác của Ban điều hành dự án và các bên liên quan;
- Đảm nhận công việc thiết kế của dự án;
- Cung cấp nhân lực thực hiện mua sắm;
- Cung cấp nhân lực thực hiện quản lý và giám sát thi công;
- Các công việc khác do Giám đốc Công ty giao.

Trung tâm Tư vấn Đầu tư và Quản lý dự án

- Lập các nghiên cứu định hướng đầu tư ban đầu.
- Tư vấn chuẩn bị đầu tư, gồm:
 - Lập báo cáo đầu tư xây dựng công trình...

- Lập các dự án đầu tư xây dựng công trình, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án
- Thực hiện các dịch vụ khảo sát, điều tra liên quan đến công tác chuẩn bị đầu tư
- Tư vấn thực hiện đầu tư:
 - Lập hồ sơ mời thầu cho các Chủ đầu tư trong và ngoài nước
 - Tham gia các tổ chuyên gia tư vấn của các Chủ đầu tư, tư vấn giám sát
 - Phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Trung tâm Kỹ thuật môi trường

- Tổ chức thực hiện các dịch vụ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ và bảo vệ môi trường trong công trình công nghiệp hóa chất và các ngành công nghiệp khác liên quan.
- Tư vấn, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới và thiết bị tiên tiến vào thiết kế xử lý môi trường trong công trình công nghiệp và dân dụng.

4.3 Các Công ty con, Công ty liên kết:

❖ Công ty cổ phần Máy và Thiết bị công nghiệp hóa chất Việt Nam (VMEC)

- Trụ sở chính: Xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VND (Mười lăm tỷ đồng)
- Tỷ lệ sở hữu của CECO tại VMEC: 55,33% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh: Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa các loại máy móc thiết bị; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; công trình công ích, các công trình kỹ thuật dân dụng; Bán buôn kim loại và quặng kim loại (bán buôn sắt thép không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ công trình công nghiệp hóa chất.

❖ Các đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất

- Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại Tp. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại Quảng Ngãi
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại Phú Thọ
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại Hà Nội

5. Định hướng phát triển

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Lãnh đạo và cán bộ CNV tập trung trí tuệ, đổi mới nhận thức hơn nữa để luôn hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm với mức tăng trưởng hằng năm trên 15%, với cơ cấu giá trị sản lượng hợp lý giữa ba nhóm công việc chính là tư vấn thiết kế, dịch vụ thi công xây lắp, mua sắm thiết bị và dịch vụ kỹ thuật môi trường. Công ty đã và đang tiến tới thực hiện các dự án tổng thầu EPC các công trình công nghiệp hóa chất lớn và các công trình công nghiệp khác liên quan. Thực hiện tốt chiến lược phát triển Công ty, phát huy và quảng bá

mạnh mẽ thương hiệu CECO cả bề rộng và chiều sâu.



- Giữ vững và phát huy vai trò là doanh nghiệp tư vấn thiết kế hàng đầu trong ngành công nghiệp hóa chất và các ngành công nghiệp khác liên quan.
- Phấn đấu đưa đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, cổ tức cho cổ đông năm sau bằng và cao hơn năm trước.
- Xây dựng và phát triển thương hiệu, đưa CECO đứng trong hàng ngũ 5 đơn vị tư vấn hàng đầu của cả nước về thực hiện công việc tư vấn thiết kế và thi công xây lắp.
- Cung cấp hoàn chỉnh các đề án thiết kế và các dịch vụ tư vấn đầu tư, cung ứng, thi công xây dựng công trình và đánh giá tác động môi trường, thỏa mãn mọi yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng nhằm tạo niềm tin với Công ty .

❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Tăng cường công tác tiếp thị, thông tin thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh trong đó đặc biệt coi trọng đến việc xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường qua các đối tác trong và ngoài nước.
- Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý chất lượng, tiến độ của các dự án đặc biệt là tiến độ các hợp đồng EPC.
- Tăng cường hợp tác phát triển với các đối tác trong và ngoài nước, ký các thỏa thuận ghi nhớ hợp tác với các đối tác có các thế mạnh riêng theo từng lĩnh vực để cùng tham gia thực hiện các dự án lớn (Tổng thầu EPC, Thiết kế BVTC, PMC, Tư vấn giám sát, các đề tài nghiên cứu khoa học...) trong và ngoài ngành.

❖ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro về kinh tế

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư, thiết kế thi công xây dựng các công trình cho ngành công nghiệp hóa chất và các ngành công nghiệp khác liên quan. Khi nền kinh tế phát triển đặc biệt là trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nền kinh tế thì các ngành công nghiệp như cơ khí chế tạo, luyện kim, hóa chất, vật liệu, giao thông vận tải, nông nghiệp... đều tiêu thụ sản phẩm hóa chất, khiến ngành hóa chất phát triển tạo điều kiện kinh doanh của Công ty trong ngành sẽ gặp thuận lợi. Ngược lại khi kinh tế tăng trưởng chậm hoặc suy thoái cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua tác động của các ngành công nghiệp trên.

Khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn đã đẩy kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái và nước ta cũng chịu những ảnh hưởng xấu của nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên trong điều kiện tình hình khó khăn và cả nước tập trung ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô thì mức tăng trưởng GDP năm 2011 khá là hợp lý. Sang đến năm 2012, tình hình kinh tế trong nước chưa khả quan, Công ty gặp nhiều khó khăn về chi phí đầu vào như chi phí xăng dầu, điện nước, giá nguyên vật liệu... đều tăng cao khiến tình hình kinh doanh cũng bị ảnh hưởng và có phần giảm sút.

Năm 2013, tình hình kinh tế vĩ mô có nhiều tín hiệu tích cực hơn: Tỷ lệ lạm phát năm 2013 được khống chế ở mức 6,04%; lãi suất cho vay đã giảm xuống so với 2012, cùng với đó việc thành lập VAMC hứa hẹn sẽ cải thiện vấn đề nợ xấu cho ngân hàng, thúc đẩy và hỗ trợ nguồn tín dụng đối với doanh nghiệp. Nhưng nhìn chung nền kinh tế vẫn còn chịu nhiều biến động, thách thức khi tăng trưởng vẫn chưa có sự tác động đáng kể, chi tiêu đầu tư công chưa tăng mạnh và việc tiếp cận nguồn vốn đối với doanh nghiệp vẫn còn là thách thức.

Tuy nhiên, bằng các đường lối chỉ đạo đúng đắn, Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động huy động nguồn vốn cho doanh nghiệp, tăng cường công tác tiếp thị, hợp tác với các đối tác nước ngoài để đưa công nghệ tiên tiến áp dụng trong các dự án đầu tư, hoàn thành các sản phẩm có chất lượng cao... nên Công ty đã giữ vững hoạt động kinh doanh ổn định và có tăng trưởng qua từng năm.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật Xây dựng, Luật đấu thầu, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập... Khi tham gia thị trường chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán. Do hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.3. Rủi ro đặc thù

❖ Rủi ro của ngành:

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là: Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước; Sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; hóa chất cơ bản, hóa chất tiêu dùng; Công nghiệp hóa chất, hóa dược, hóa dầu; Công nghiệp chế biến cao su; công nghiệp

khai thác mỏ; Kinh doanh máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ cho ngành công nghiệp hóa chất; Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh một số rủi ro đặc thù của ngành như sau:

Rủi ro về nguồn đầu vào:

- Chi phí nguồn nguyên vật liệu đầu vào dùng trong quá trình sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất cơ bản.... là yếu tố ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất và lợi nhuận hằng năm của các doanh nghiệp trong ngành. Sự biến động không lường trước được của giá các yếu tố đầu vào sẽ khiến doanh nghiệp bị động trong công tác kiểm soát chi phí và xác định giá thành sản phẩm.
- Đối với nhóm sản xuất sản phẩm hàng tiêu dùng: Như sản phẩm săm lốp ô tô, xe máy, sản phẩm pin, ắc quy, sản phẩm chất tẩy rửa, sản phẩm sơn các loại giá nguyên liệu đầu vào không ổn định, thường có xu hướng tăng cao làm cho hiệu quả sản xuất kinh doanh tăng thấp.

Rủi ro về tính cạnh tranh:

Do việc đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất chưa được hiện đại nên tính cạnh tranh về chất lượng sản phẩm so với các sản phẩm cùng loại nhập khẩu thường bị thua kém, giá cả một số sản phẩm phân bón còn nằm trong quản lý và điều tiết chung của nhà nước phù hợp với tình hình kinh tế trong nước... Ngoài ra việc nhập lậu phân bón, các sản phẩm hóa chất qua nhiều con đường chưa được kiểm soát, sản xuất phân bón giả ... nên làm ảnh hưởng đến giá bán sản phẩm, giảm sức mua của thị trường ảnh hưởng tới uy tín của sản phẩm.

❖ Rủi ro Công ty

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng trong ngành công nghiệp hóa chất và công nghiệp khác liên quan nên Công ty cũng chịu những rủi ro của ngành liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Rủi ro về chất lượng các sản phẩm tư vấn: Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng trong việc lập dự án và trong khâu thiết kế. Tuy nhiên, trong quá trình lập dự án và trong khâu thiết kế, Công ty có thể gặp rủi ro khi các quy chuẩn, tiêu chuẩn của dự án không phù hợp với thông lệ quốc tế, hay không phù hợp với các Công ty thiết kế.

Ngoài ra, Công ty phải tuân thủ theo các quy định pháp lý về lựa chọn bổ nhiệm các chức danh liên quan đến dự án (chủ nhiệm lập dự án, chủ nhiệm thiết kế...). Khi thực thi dự án, do sự bất cẩn hay sai sót của các chức danh chủ nhiệm lập dự án hay chủ nhiệm thiết kế... khiến Công ty gặp rủi ro làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

Rủi ro trong việc thực hiện các gói thầu EPC: Công ty gặp phải rủi ro liên quan đến quy định về đền bù vật chất khi thiết kế sai, dẫn đến hư hỏng công trình, không đảm bảo chất lượng thiết bị, công suất, chất lượng sản phẩm...

6.4. Rủi ro tài chính

Với nhu cầu đầu tư để mở rộng doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa các lĩnh vực kinh doanh thì Công ty sẽ phải huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để đảm bảo nhu cầu vốn lưu động và như vậy cơ cấu vốn cũ bị thay đổi. Khi đó các chính sách tiền tệ quốc gia, tình

hình biến động lãi suất, tỷ lệ tăng trưởng tín dụng... sẽ tác động mạnh đến hoạt động kinh doanh, Công ty cần có những định hướng thích hợp nhất để sử dụng tối ưu nguồn vốn.

Mặt khác, nguồn vốn vay hiện nay của Công ty một phần phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng, đây là một rủi ro tiềm tàng mà Công ty cần cải thiện càng nhanh càng tốt. Việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ thực sự giúp Công ty lành mạnh hóa tình hình tài chính, chủ động hơn về vốn lưu động, tránh các rủi ro về tình hình tài chính.

6.5. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Các bất ổn về kinh tế, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam cũng như các nước lân cận để lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, cơ cấu lại quy mô đầu tư của các sản phẩm mà Công ty cho phù hợp.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 04 năm 2006 đến nay, sau hơn 7 năm đi vào hoạt động mặc dù có những khó khăn do chuyển đổi mô hình quản lý, mở rộng ngành nghề phù hợp với nền kinh tế thị trường nhưng Công ty từng bước vượt qua và dành được nhiều hợp đồng có giá trị về kinh tế trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, thi công xây lắp.

Năm 2012 Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất đã tham gia góp vốn 8.300 triệu đồng thành lập Công ty cổ phần Máy và Thiết bị công nghiệp hóa chất Việt Nam.

Tổng số các hợp đồng đang được Công ty thực hiện và ký được trong năm 2013 là 172 hợp đồng với tổng giá trị là 973,772 tỷ đồng. Trong năm 2013 Công ty có nhiều thuận lợi do khối lượng công việc đã ký Hợp đồng khá lớn so với những năm trước. Việc chuyển đổi hình thức thực hiện dự án dần từ thiết kế là chủ yếu sang hình thức EPC, đem lại cho Công ty có nhiều thuận lợi với giá trị doanh thu từ các hợp đồng này lớn, cơ hội tiếp xúc với các tập đoàn, đối tác kỹ thuật, nhà bản quyền công nghệ nước ngoài và các quy trình tiên tiến khi thực hiện các dự án, đã dần ảnh hưởng đến tư duy cũng như cách thức triển khai dự án có nhiều thay đổi như Hợp đồng EPC dự án DAP số 2, Hợp đồng EPC dự án Đạm Hà Bắc... Đặc biệt là sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ cán bộ quản lý trong Công ty như trưởng, phó các đơn vị, các chủ nhiệm dự án, các chuyên gia kỹ thuật đã góp phần rất lớn để thực hiện các dự án.

Tuy nhiên, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế cũng như các quy trình, hướng dẫn chi tiết về kỹ thuật về tất cả các khâu từ Thiết kế, Mua sắm, Thi công từ trước đến nay của Công ty chưa đầy đủ nên có nhiều khó khăn và trở ngại trong quá trình thực hiện, đội ngũ cán bộ kỹ sư thiết kế có nhiều cán bộ trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nên đã ảnh hưởng phần nào đến việc thực hiện các công tác thiết kế và tiến độ công việc.

Tải trọng lao động trong năm 2013 trung bình 106% đối với khối sản xuất tương đương với nhân công thực hiện là 32.182 ngày công/nhân công hiện có là 30.360 ngày công.

Nhìn chung công tác sản xuất kinh doanh năm 2013 vượt các chỉ tiêu theo kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

❖ Danh sách Ban điều hành:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc
Ông Văn Đức Thắng	Phó giám đốc
Ông Lê Văn Lượng	Phó giám đốc
Ông Đinh Đức Bộ	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban điều hành

Giám đốc – Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Họ và tên	:	Nguyễn Mạnh Hùng
Số CMND	:	011425292 Ngày cấp: 12/10/2004 Tại: CA Tp Hà Nội
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	21/01/1961
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Phường Cự Khối , Quận Long Biên , TP Hà Nội
Địa chỉ thường trú	:	Số 26 , Ngách 75, ngõ Thịnh Hào 1, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư xây dựng

Thời gian	Quá trình công tác
<i>Từ 1985 đến 9/2000</i>	Nhân viên phòng thiết kế xây dựng, Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất
<i>Từ 10/2000 đến 3/2006</i>	Phó phòng Thiết kế Xây dựng Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất
<i>Từ 4/2006 đến 12/2007</i>	Phó phòng Thiết kế Xây dựng Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
<i>Từ 1/2008 đến 1/2011</i>	Công tác tại Ban Đầu tư xây dựng – Tập đoàn Hóa chất Việt nam, Thành viên HĐQT Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất
<i>Từ 2/2011 đến 6/2011</i>	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất

Từ 7/2011 đến nay. Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất

Từ 04/2011 đến nay Thành viên HĐQT Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng Mỏ

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT CTCP Tư vấn đầu tư và Xây dựng Mỏ

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 18.000 cổ phần – chiếm 0,6% vốn điều lệ

Số cổ phần của người có liên quan : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT 2.500.000 đồng/tháng, hưởng lương theo quy chế

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

 Phó giám đốc: Ông Văn Đức Thắng

Họ và tên : **Văn Đức Thắng**

Số CMND : 011076611 cấp ngày 23/10/2001 do CA Hà nội cấp .

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 23/3/1964

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hải Phú - Hải Lăng - Quảng Trị

Địa chỉ thường trú : Số 18, B20 Hoàng Ngọc Phách, Đống Đa, Hà Nội

Chỗ ở hiện tại : Số 18, B20 Hoàng Ngọc Phách, Đống Đa, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư

Thời gian Quá trình công tác

Từ 6/ 1987 đến 6/2002 : Nhân viên Phòng Thiết kế xây dựng Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất

Từ 7/2002 đến 3/2006 : Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất

Từ 4/2006 đến 10/2008 : Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất

Từ 11/2008 đến nay : Phó Giám đốc Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Giám đốc
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
 Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 11.400 cổ phần – chiếm 0,38% vốn điều lệ
 Số cổ phần của người có liên quan : bà Phạm Thị Thu Giang sở hữu 8.027 cổ phần – chiếm 0,27 % vốn điều lệ
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

 Phó giám đốc – Ông Lê Văn Lượng

Họ và tên	: Lê Văn Lượng
Số CMND	: 024177422 cấp ngày 10/9/2003 do CA TP HCM cấp
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 10/10/1954
Quốc tịch	: Việt nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Thiệu Quang, huyện Thiệu hóa, tỉnh Thanh hóa
Hộ khẩu thường trú	: 406/6 Ung Văn Kiêm, phường 25 Q. Bình Thạnh TP HCM
Chỗ ở hiện tại	: 406/6 Ung Văn Kiêm, phường 25 Q. Bình Thạnh TP HCM
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư xây dựng

Thời gian	Quá trình công tác
------------------	---------------------------

<i>Từ 10/1986 đến 8/2000</i>	: Kỹ sư xây dựng, Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất
<i>Từ 9/2000 đến 5/2001</i>	: Kỹ sư xây dựng, CN Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP HCM
<i>Từ 6/2001 đến 3/2006</i>	: Phó Giám đốc CN Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP HCM .
<i>Từ 4/2006 đến 3/2008</i>	: Phó Giám đốc CN Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP HCM .
<i>Từ 4/2008 đến 3/2012</i>	: Giám đốc CN Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP HCM .
<i>Từ 4/2012 đến nay</i>	: Phó Giám đốc Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất.
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Phó Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	:	20.170 cổ phần – chiếm 0,68% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

 Kế toán trưởng – Ông Đinh Đức Bộ

Họ và tên	:	Đinh Đức Bộ
Số CMND	:	011818815 ngày cấp: 08/11/2011 tại: CA Tp Hà Nội
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	20/07/1962
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Việt Hùng, Huyện Vũ thư, Tỉnh Thái bình
Hộ khẩu thường trú	:	P.502b-TT Viện TKCNHC, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội.
Chỗ ở hiện tại	:	Số 14, hẻm 76/1, ngõ Thịnh Hào 1, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội.
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Thời gian		Quá trình công tác
<i>Từ 1987 đến 10/1995</i>	:	Phụ trách kế toán tại xí nghiệp sản xuất hóa chất trực thuộc Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất
<i>Từ 11/1995 đến 2000</i>	:	Nhân viên kế toán tại phòng Tài chính Kế toán Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất
<i>Từ 2001 đến 31/3/2006</i>	:	Phó trưởng phòng tài chính kế toán Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất
<i>Từ 4/2006 đến nay</i>	:	Kế toán trưởng Công ty CP Thiết kế Công nghiệp hóa chất
<i>Từ 04/2011 đến nay</i>	:	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Thiết kế Công nghiệp hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	:	73.570 cổ phần – chiếm 2,46 % vốn điều lệ

Số cổ phần của người có liên quan	: ông Đinh Đức Đội (em trai) sở hữu 1.754 cổ phần – chiếm 0,06 % vốn điều lệ
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Thù lao 2.500.000đ/tháng, lương theo quy chế
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không

❖ **Những thay đổi trong ban điều hành:**

Năm 2013, Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất có những thay đổi trong thành phần ban điều hành như sau: Chấp thuận Đơn xin từ chức và miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty của ông Phan Hoài Thanh kể từ ngày 01/01/2014 (Quyết định số 339/QĐ-CTTK ngày 24/12/2013 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất).

❖ **Số lượng cán bộ, nhân viên.**

STT	Trình độ	Số lượng lao động (người)
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	212
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp	6
3	Công nhân kỹ thuật	4
4	Lao động phổ thông (có chứng chỉ học nghề)	3
Tổng số		225

✚ **Chế độ làm việc:**

- Công ty làm việc 5,5 ngày trong một tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7 hằng tuần.
- Giờ làm việc hằng ngày: Sáng bắt đầu làm việc từ 8h đến 11h30, chiều từ 13h đến 16h30, tổng số giờ làm việc hằng ngày là 7h và 30 phút.

✚ **Chính sách đào tạo:**

Để đáp ứng được sự phát triển của Công ty hiện tại cũng như lâu dài, HĐQT Công ty luôn quan tâm đến chính sách đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty đã và đang triển khai thực hiện một số công việc đào tạo cho người lao động làm việc ở Công ty như sau:

- Đào tạo ban đầu:
 - Đối tượng là các lao động mới tuyển dụng vào Công ty.
 - Hình thức: Tổ chức các lớp đào tạo ban đầu như: Giới thiệu về Công ty, phổ biến các quy định, chính sách liên quan đến người lao động, mô hình tổ chức bộ máy Công ty...
- Đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ:

- Lập các quy định, yêu cầu công việc cho các vị trí cụ thể của từng đơn vị.
- Đào tạo ngoại ngữ dưới nhiều hình thức như đào tạo tại Công ty, nhân viên tự đào tạo theo lĩnh vực chuyên môn.
- Đào tạo cho cán bộ quản lý tại các khóa học ngắn ngày và dài ngày tùy từng chuyên môn như: Quản trị kinh doanh, quản lý lao động, quản lý hợp đồng,...
- Đào tạo quản lý dự án: Công ty sẽ đào tạo nâng cao cho một số kỹ sư (4-5 kỹ sư) có kinh nghiệm và kỹ năng tốt (do chuyên gia nước ngoài giảng dạy) để làm việc cho những dự án lớn. Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn tại Công ty (kết hợp chuyên gia nước ngoài và chuyên gia trong nước giảng dạy). Khuyến khích các kỹ sư học văn bằng 2, học cao học, ngoại ngữ ...
- Đào tạo phát triển các kỹ năng như : Kỹ năng trình bày, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tin học
- Từ năm 2012 đến 2013, Công ty cử 18 kỹ sư đi đào tạo theo công việc tại Thái Lan và Singapore.
- Công ty đã cử nhân viên bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý đấu thầu, Quản lý dự án, Quản trị và lập hợp đồng kinh tế.
- Tổ chức lớp học về phần mềm thiết kế PDMS.

Chính sách lương:

Tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều được Công ty ký hợp đồng lao động (kể cả ngắn hạn, dài hạn, lao động thời vụ). Việc trả lương cho người lao động trong Công ty được thực hiện theo quy chế lương của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành theo Quyết định số 22/QĐ-CTTK ngày 16/02/2012. Quy chế lương của Công ty được xây dựng làm căn cứ trả lương, phục vụ chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động và đảm bảo chính sách đãi ngộ của Công ty với người lao động.

Tiền lương trả cho người lao động thực hiện theo quy chế lương gồm một số nội dung chính sau :

- Tiền lương trả cho người lao động gồm 4 phần: Lương thời gian, lương năng suất, lương quản lý, lương bổ sung.
- Lương thời gian: Bất cứ người lao động nào khi đến Công ty làm việc đều được trả khoản lương tính theo thời gian hàng tháng để đảm bảo mức sống tối thiểu và chi phí tái sản xuất sức lao động của người lao động. Mức lương thời gian Công ty trả cho người lao động đảm bảo ổn định phần thu nhập trên mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định.
- Lương năng suất: Đây là phần thu nhập quan trọng nhất mang tích chất tiền lương và tỷ lệ với năng suất và chất lượng lao động.
- Lương bổ sung: Phần lương này nhằm khuyến khích người lao động khi sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, điều hòa thu nhập, bổ sung tiền lương cho người lao động nghỉ chế độ chính sách....
- Lương quản lý: Trả cho hao phí lao động của công tác quản lý, điều hành, kiểm soát các hoạt động của Công ty. Trả cho thời gian học, hợp ngoài Công ty theo yêu cầu của các cấp

....Đối tượng hưởng lương quản lý gồm: Lãnh đạo Công ty (HĐQT, ban Giám đốc, kế toán trưởng) các chức danh quản lý các bộ phận của Công ty, các thành viên trong các hội đồng thường trực của Công ty...

 Chính sách thưởng:

Công ty thực hiện chính sách thưởng cho người lao động khi người có những đóng góp lớn, hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chấp hành tốt nội quy của Công ty. Tiền thưởng chỉ cho người lao động được thực hiện từ các nguồn sau:

- Thưởng từ quỹ tiền lương cho người lao động có những đóng góp tích cực, hiệu quả cho từng dự án.
- Thưởng từ quỹ khen thưởng cho những cán bộ công nhân viên có những thành tích trong công tác, lao động do các cấp xét vào dịp kết thúc năm, hoặc có những sáng kiến, thành tích đột xuất được ghi nhận.
- Đối với lãnh đạo Công ty: Gồm các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.... Khi có những đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, sản xuất kinh doanh có hiệu quả sẽ được HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét trích quỹ thưởng cho HĐQT, ban điều hành vào kỳ đại hội cổ đông thường niên hằng năm.

 Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động:

- Ngoài chính sách lương, thưởng người lao động trong Công ty còn được Công ty hỗ trợ kinh phí đào tạo trong nước và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, năng lực quản lý...
- Công ty còn có quy định hỗ trợ chi phí sử dụng điện thoại phục vụ công tác cho một số đối tượng gồm HĐQT, Ban Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát, trưởng phó các đơn vị ...hàng tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn trong năm 2013:

Không có

b) Công ty con của CECO: Công ty cổ phần Máy và Thiết bị công nghiệp hóa chất Việt Nam (VMEC)

Kết quả hoạt động kinh doanh của (VMEC) trong năm 2013

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Tăng (giảm) 2013 so với 2012
1	Tổng giá trị tài sản	16,847,788,017	21,623,202,548	28.34%
2	Doanh thu thuần	1,980,204,992	33,304,329,354	1581.86%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	60,749,332	1,817,613,075	2891.99%
4	Lợi nhuận sau thuế	11,895,413	1.363.114.597	107.70%

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Tăng (giảm) 2013 so với 2012
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8	909	-

(Nguồn: báo cáo tài chính kiểm toán công ty VMEC)

Năm 2013 là một năm hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được nhiều kết quả tích cực của VMEC. Trong đó nhiều chỉ tiêu tài chính tăng mạnh so với năm 2012. Cụ thể: doanh thu thuần tăng gần 16 lần, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 29 lần, Lợi nhuận sau thuế tăng gấp hơn 2 lần so với năm 2012. Thành tích này phản ánh được sự nỗ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên của VMEC trong năm 2013.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Tăng giảm 2013 so với 2012
1	Tổng giá trị tài sản	132.327.627.871	231.220.910.433	74.73%
2	Doanh thu thuần	163.142.389.095	433.478.027.650	165.71%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.961.230.514	18.340.794.407	104.67%
4	Lợi nhuận khác	-17.424.732	305.852.076	1855.28%
5	Lợi nhuận trước thuế	8.943.805.782	18.646.646.483	108.49%
6	Lợi nhuận sau thuế	6.686.361.294	13.887.858.146	107.70%
	Lợi ích cổ đông thiểu số	5.313.285	608.857.853	11359%
	Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	6.681.048.009	13.279.000.293	98.76%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	47,36%	-	-

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,14	1,09	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,86	0,83	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				

+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,71	0,75	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,04	3,02	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	4,84	10,61	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,42	1,87	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,1	3,2	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	20,5	34,0	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,8	7,6	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,5	4,2	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 2.988.518 cổ phần

Toàn bộ cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 15/01/2014**

Cổ đông	Địa chỉ	CMND/ ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
Tập đoàn Hóa chất Việt nam	Số 1A Tràng Tiền - Hoàn Kiếm - Hà Nội	0100100061	1.576.818	52,76%
Tổng cộng			1.576.818	52,76%

- Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 15/01/2014**

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ
I	CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC	1	1.576.818	52,76%
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		1.576.818	52,76%

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đồng	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ
II	CỔ ĐỒNG TỔ CHỨC <i>Trong đó:</i>	1	66.801	2,24%
	- Trong nước: CTCP Việt sáng tạo	1	66.801	2,24%
	- Nước ngoài	0	0	0%
III	CỔ ĐỒNG CÁ NHÂN	201	1.344.899	45,00%
	-Trong nước	201	1.344.899	45,00%
	- Nước ngoài	0	0	0%
	TỔNG CỘNG	203	2.988.518	100%

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm 2013 vốn đầu tư chủ sở hữu của Công ty đã tăng từ 17.579.520.000 đồng lên 29.885.180.000 đồng thông qua các hình thức:

- Phát hành cổ phiếu thưởng cho CĐHH: 246.113 cổ phần
- Chào bán CP cho CĐHH: 984.453 cổ phần

Trong năm 2013, Công ty tiến hành phát hành chào bán riêng lẻ nhưng chưa hoàn thành đợt chào bán. Số vốn góp của nhà đầu tư vẫn giữ nguyên ở mức **29.885.180.000** đồng được thể hiện trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 của Công ty.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Công ty không có cổ phiếu quỹ

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2012	KH năm 2013	TH năm 2013	Tỷ lệ % TH/KH năm 2013	Tỷ lệ % TH 2013/2012
1	Tổng doanh thu	165.507	405.000	436.573	108%	264%
2	Tổng chi phí	156.563	391.100	417.926	107%	267%
3	Lợi nhuận trước thuế	8.944	14.000	18.647	133%	208%
4	Thuế TNDN	2.257	3.500	4.759	136%	211%
5	LNST	6.686	10.500	13.888	132%	208%

Năm 2013 tình hình kinh tế Việt Nam đã có bước chuyển tích cực, đúng hướng trên hầu

hết các lĩnh vực, đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện. Trên thị trường, tình hình lãi suất các Ngân hàng đã giảm so với cùng kỳ năm 2012 tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp triển khai các dự án đầu tư.

Các dự án trong kế hoạch triển khai năm 2013 của Tập đoàn nói chung thuận lợi, đặc biệt là trong lĩnh vực phân bón và hóa chất do có sự điều chỉnh và định hướng từ sớm của Tập đoàn tiêu biểu như: dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2, dự án cải tạo và mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc, dự án Muối Lào,...

Về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013 có nhiều thuận lợi do giá trị các Hợp đồng EPC lớn đã ký từ các năm trước chuyển sang, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đáp ứng được chỉ tiêu của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và chỉ tiêu phấn đấu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã đề ra.

- **Tổng số các hợp đồng được Công ty tổ chức thực hiện trong năm 2013 là 172 hợp đồng với tổng giá trị là 973,772 tỷ đồng.**

Trong đó:

Tư vấn Thiết kế	:	99,699 tỷ đồng (92 Hợp đồng)
Thi công, xây lắp	:	870,194 tỷ đồng (48 Hợp đồng, 05 HĐ EPC)
Dịch vụ khác	:	3,880 tỷ đồng (27 Hợp đồng)

Và số lượng hợp đồng của các năm trước chuyển sang năm 2013 thực hiện là 76 hợp đồng với giá trị còn lại là 723,554 tỷ đồng.

Trong đó:

Tư vấn Thiết kế	:	72,455 tỷ đồng (56 Hợp đồng)
Thi công, xây lắp	:	650,161 tỷ đồng (8 Hợp đồng , 5 Hợp đồng EPC)
Dịch vụ khác	:	0,938 tỷ đồng (7 Hợp đồng)

Số lượng hợp đồng ký trong năm 2013 thực hiện là 96 hợp đồng với giá trị là: 250,218 tỷ đồng.

Trong đó:

Tư vấn Thiết kế	:	27,244 tỷ đồng (36 Hợp đồng)
Thi công, xây lắp	:	220,032 tỷ đồng (40 Hợp đồng)
Dịch vụ khác	:	2,942 tỷ đồng (20 Hợp đồng)

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được năm 2013: Hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao như doanh thu tăng 2,6 lần so với năm 2012, lợi nhuận tăng 188% so với năm 2012, tỷ suất lợi nhuận/vốn đầu tư của chủ sở hữu đạt 56%...

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 01/01/2013: 132.327.627.871 đồng

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2013: 231.220.910.433 đồng

Tổng tài sản của Công ty đã tăng 74.73% trong năm 2013.

Hiệu quả sử dụng tài sản: Chỉ số lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản (ROA) năm 2013: 7,64% cao hơn nhiều so với mức 5,8% năm 2012. Điều này cho thấy Công ty sử dụng tài sản hiệu quả hơn trong năm 2013.

Khoản phải thu ngắn hạn năm 2013 là 121,8 tỷ đồng cao hơn nhiều so với mức 33 tỷ năm 2012. Đây là mức tăng tương ứng với sự tăng trưởng của doanh thu của Công ty trong năm 2013.

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 là 173,6 tỷ đồng cao hơn 84,5% so với thời điểm đầu năm. Phần lớn các khoản nợ phải trả của Công ty đều là nợ phải trả ngắn hạn (171,6 tỷ đồng). Các khoản vay nợ của Công ty đều là các khoản vay nợ tín chấp ngắn hạn. Trong tình hình lãi suất đang hạ thấp và tương đối ổn định do đó không ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong năm 2013, Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty đã ký quyết định bổ nhiệm lại 01 Phó Giám đốc Công ty; bổ nhiệm 02 Trưởng phòng (trong đó có 01 Trưởng phòng kiêm nhiệm); 05 Phó Trưởng phòng, 01 Phó Giám đốc Chi nhánh, Quyết định điều chuyển và bổ nhiệm lại: 04 Trưởng phòng, 06 Phó Trưởng phòng (trong đó có giao 01 Phó Trưởng phòng Phụ trách phòng), miễn nhiệm 01 Trưởng phòng và điều chuyển một số cán bộ giữa các đơn vị theo yêu cầu công việc.

- Hội đồng quản trị đã ký các quyết định như sau:

- + Giải thể phòng Quản lý Thông tin & Đầu thầu;
- + Thành lập phòng Pháp chế & Quản lý Thông tin, phòng Dự án DAP2;
- + Tách phòng TK Công nghệ - Thiết bị - Lắp đặt thành 02 phòng mới là phòng TK Công nghệ - Lắp đặt và TK Thiết bị;
- + Hợp nhất 02 phòng TK Cấp thoát nước và TK Xây dựng thành phòng TK Xây dựng và Cấp thoát nước;

- Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Năm 2013, Công ty đã thực hiện công tác tuyển dụng thêm 22 cán bộ, kỹ sư (tuy nhiên số lượng nhân sự Công ty giảm 07 người do về hưu và nghỉ việc) cho các đơn vị trong Công ty đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các đơn vị, đặc biệt là các đơn vị thuộc khối sản xuất. Như vậy, tính đến hết ngày 31/12/2013 tổng số CBCNV trong Công ty là 252 người.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với những thành tích đạt được trong năm 2013, Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất phân đầu đạt được thành tích cao trong năm 2014, đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 đã được Tập đoàn Hoá chất Việt Nam giao. Nhiệm vụ và mục tiêu đề ra trong công việc sản xuất kinh doanh cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

DVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Giá trị dự kiến năm 2014	Ghi chú
1	Tổng GTSXCN	490.000	
	Tư vấn TK & dịch vụ	70.000	
	Thi công, Mua sắm	410.000	

DVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Giá trị dự kiến năm 2014	Ghi chú
	Dịch vụ khác	10.000	
2	Tổng doanh thu	485.000	
	Tư vấn TK & dịch vụ	70.000	
	Thi công, Mua sắm	405.000	
	Doanh thu khác	10.000	
3	Lợi nhuận trước thuế	19.000	
4	Thu nộp ngân sách	34.000	
5	Thu nhập bình quân/tháng	15	
6	Đầu tư xây dựng	4.800	
	Tổng kinh phí sửa chữa lớn	1.200	
	Tổng mức đầu tư XD CB	2.355	
	Đầu tư ngoài CECO	1.245	
7	Đề tài NCKHCN	1.920	
	Cấp Nhà nước, Bộ, Tập đoàn	1.280	
	Cấp Công ty	640	

Trong năm 2014, CECO dự kiến sẽ khai thác các dự án, công trình:

TT	Đơn vị	Số lượng	Giá trị dự kiến (triệu đồng)	Ghi chú
1	Trụ sở chính Công ty	15	32.821	
2	Chi nhánh Phú Thọ	18	82.500	
3	Chi nhánh Hải Phòng	20	29.732	
4	Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	18	7.720	
	Tổng cộng		152.773	

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

🚦 Hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2012	KH năm 2013	TH năm 2013	Tỷ lệ % TH/KH năm 2013	Tỷ lệ % TH 2013/2012
1	Tổng doanh thu	165.507	405.000	436.573	108%	264%

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2012	KH năm 2013	TH năm 2013	Tỷ lệ % TH/KH năm 2013	Tỷ lệ % TH 2013/2012
2	Tổng chi phí	156.563	391.100	417.926	107%	267%
3	Lợi nhuận trước thuế	8.944	14.000	18.647	133%	208%
4	Thuế TNDN	2.257	3.500	4.759	136%	211%
5	LNST	6.686	10.500	13.888	132%	208%

Xây dựng quy chế, xây dựng bộ máy và lãnh đạo công tác phát triển nguồn nhân lực

- Hoàn thiện Điều lệ Công ty theo quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 về quản trị công ty đại chúng (đã được ĐHĐCĐ thông qua);

- Hoàn thành và đưa vào vận hành một số quy định nội bộ: Quy chế hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân; Quy trình In ấn, xuất bản, lưu trữ và các hướng dẫn kèm theo; Quy trình Mã hóa, đánh số tài liệu dự án; Điều lệ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ.

- Chỉ đạo chặt chẽ công tác tổ chức - cán bộ, tuyển dụng - đào tạo, cụ thể:

+ Tuyển dụng: Năm 2013 tuyển dụng thêm 22 nhân viên mới;

+ Đào tạo chuyên sâu: Cử 10 kỹ sư đi đào tạo quản lý dự án tại Thái Lan (TTCL) và 02 tại Singapore (Tập đoàn M+W).

Công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác đầu tư và xây dựng tài sản tri thức

- Nghiên cứu khoa học: Làm hồ sơ đăng ký 02 đề tài cấp Nhà nước thuộc chương trình công nghệ sinh học và nhiên liệu sinh học; tham gia 2 đề tài cấp Bộ Công Thương; Bảo vệ 02 đề tài cấp Tập đoàn và triển khai 14 đề tài cấp cơ sở. Tổ chức thành công Đại hội Hội Kỹ thuật Công nghệ hóa học (12/2013);

- Công tác đầu tư: Tăng cường đầu tư trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (mua ô tô, phần mềm thiết kế chuyên dụng,...); Thực hiện kế hoạch sửa chữa tại trụ sở Công ty; Đầu tư vốn ra ngoài vào TANICHEM và VMEC.

Lãnh đạo, kiểm soát và tham gia điều hành sản xuất kinh doanh, kiểm soát tài sản:

- Thực hiện tốt vai trò chỉ đạo sản xuất kinh doanh năm 2013;

- Chủ động đảm bảo tài chính để thực hiện các công việc;

- Trực tiếp chỉ đạo 3 dự án lớn là DAP 2 (Chủ tịch HĐQT) và Đạm Hà Bắc (Giám đốc Công ty) và NPK Lào Cai (Thành viên HĐQT);

- Trực tiếp chỉ đạo công tác kiểm toán nội bộ.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Thực hiện Nghị quyết của hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 và các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc và bộ máy điều hành đã khẩn trương triển khai các công việc nhằm mục tiêu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) và các công việc quản trị công ty năm 2013:

+ Đẩy mạnh công việc thi công 3 hợp đồng EPC lớn thuộc dự án: Cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc; ĐTXD Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 tại Tầng Lông, Lào Cai;

Dự án NPK Lào Cai, đồng thời triển khai công việc tư vấn các hợp đồng khác.

+ Ban Giám đốc và bộ máy điều hành đã tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2013 và Lễ kỷ niệm 46 năm ngày thành lập Công ty tại Đà Nẵng.

+ Công ty đã hoàn thành Báo cáo quyết toán tổng hợp (báo cáo tài chính) hàng quý, 6 tháng đúng quy định.

+ Người công bố thông tin của CECO (ông Đinh Đức Bộ, Kế toán trưởng) đã thực hiện việc công bố thông tin kịp thời, đúng quy định pháp luật.

+ Thực hiện xong việc trả cổ tức năm 2012 cho các cổ đông và cấp mới/cấp đổi Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông.

+ Hoàn thành công tác phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ Công ty lên gần 30 tỷ đồng và các thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo vốn điều lệ mới.

+ Đang tiến hành các thủ tục chào bán cổ phiếu cho đối tác chiến lược là Tập đoàn M+W theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 và quy định của pháp luật; lựa chọn đơn vị tư vấn đăng ký lưu ký chứng khoán là Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (IRS).

+ Tiến hành các thủ tục đăng ký lưu ký chứng khoán tại VSD và thị trường UPCOM theo nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua.

+ Tổ chức công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động của các chi nhánh Công ty, từ đó đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các Chi nhánh.

+ Lập kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2013 trình HĐQT phê duyệt.

+ Hoàn thành công tác kiểm toán nội bộ 06 tháng đầu năm 2013.

- Đề ổn định bộ máy tổ chức cán bộ, trong năm 2013, HĐQT Công ty đã ký quyết định bổ nhiệm lại 01 Phó Giám đốc Công ty; bổ nhiệm 02 Trưởng phòng (trong đó có 01 Trưởng phòng kiêm nhiệm); Giám đốc công ty đã ký quyết định bổ nhiệm : 05 Phó Trưởng phòng, 01 Phó Giám đốc Chi nhánh, Quyết định điều chuyển và bổ nhiệm lại: 04 Trưởng phòng, 06 Phó Trưởng phòng (trong đó có giao 01 Phó Trưởng phòng Phụ trách phòng), miễn nhiệm 01 Trưởng phòng và điều chuyển một số cán bộ giữa các đơn vị theo yêu cầu công việc.

- Nhằm mục đích đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực, cơ cấu lại nhân sự cho phù hợp và nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ nhân viên, trong năm Giám đốc Công ty đã ký các quyết định điều chuyển nhân sự giữa các đơn vị, lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực năm 2013 trình HĐQT phê duyệt.

Đánh giá hoạt động của Giám đốc Công ty

- Về quản trị doanh nghiệp, sử dụng vốn: Hoàn thành tốt.
- Về quản trị sản xuất, hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh: Hoàn thành tốt.
- Về công tác điều hành hoạt động tại trụ sở chính và các chi nhánh: Khá.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Mục tiêu chính:

- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 do ĐHĐCĐ giao;
- Tăng cường công tác tiếp thị;
- Kiểm toán nội bộ, giám sát đánh giá hoạt động các Chi nhánh;
- Hoàn thiện việc xây dựng các quy định nội bộ của Công ty.

Trọng tâm công tác:

- Đổi mới phương thức sản xuất, chấn chỉnh kỷ luật chất lượng trong công tác thiết kế;
- Chiến lược phát triển nguồn nhân lực;
- Tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá;
- Chỉ đạo hoàn thành chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và đảm bảo thu nhập của người lao động;
- Đẩy mạnh công tác tiếp thị;
- Tăng cường giám sát và nâng cao năng lực các Chi nhánh;
- Công tác xây dựng quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

❖ Thành viên Hội đồng quản trị:

Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Chức vụ khác tại Công ty
Ông Đỗ Hiên Ngang	Chủ tịch HĐQT	62.814	2,11	Không
Ông Đinh Đức Bộ	Thành viên HĐQT	73.570	2,46	Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Công Thắng	Thành viên HĐQT	90.879	3,05	Giám đốc chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh
Ông Phan Hoài Thanh	Thành viên HĐQT	12.566	0,42	Phó trưởng phòng Quản lý KHKT và Chất lượng
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	18.000	0,6	Giám đốc Công ty

❖ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

❖ Hoạt động của Hội đồng quản trị: Năm 2013 HĐQT họp 8 phiên, cụ thể:

a) **Phiên II.13:** Họp ngày 05/02 và 07/02/2013 tại trụ sở Công ty. Phiên họp đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Nghe báo cáo kết quả công tác phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; Xử lý số cổ phiếu không chào bán hết;

- Thông qua đề cương và phân công chuẩn bị các tài liệu dự kiến thông qua tại hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2013.

b) **Phiên II.14:** Họp ngày 25/02/2013 tại trụ sở Công ty. Phiên họp đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Thông qua báo cáo tổng kết đợt phát hành chứng khoán ra công chúng tăng vốn điều lệ;
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty với mức vốn điều lệ mới;
- Kế hoạch tổ chức hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2013;

- Công tác tổ chức cán bộ và chỉ đạo Người đại diện phần vốn CECO tại TANICHEM.

c) **Phiên II.15:** Họp ngày 29/3/2013 tại trụ sở Công ty. Phiên họp đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Thông qua chương trình chi tiết hội nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2013;
- Thông qua nội dung các báo cáo trình hội nghị ĐHCĐ thường niên năm 2013;
- Công tác tổ chức bộ máy, cán bộ.

d) **Phiên II.16:** Họp ngày 29/5/2013 tại trụ sở Công ty. Phiên họp đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Nghe báo cáo công tác sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2013;
- Rà soát công tác cổ đông và các nội dung triển khai thực hiện nghị quyết của hội nghị ĐHCĐ thường niên năm 2013;
- Các công việc liên quan đến Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ;
- Báo cáo hoạt động các Chi nhánh, công tác tài chính, tải trọng lao động tại văn phòng Công ty.

e) **Phiên II.17:** Họp ngày 26/7/2013 tại trụ sở Công ty. Phiên họp đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Nghe báo cáo công tác sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2013;
- Trọng tâm công tác của HĐQT 6 tháng cuối năm 2013;
- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn Công ty tại Công ty cổ phần Máy và Thiết bị công nghiệp Hóa chất Việt Nam (VMEC);
- Công tác tổ chức bộ máy.

f) **Phiên II.18:** Họp ngày 28/9/2013 tại trụ sở Công ty. Phiên họp đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Nghe báo cáo kết quả công tác kiểm toán nội bộ 6 tháng đầu năm 2013;
- Thảo luận các biện pháp đẩy mạnh quản trị Công ty quý IV năm 2013;
- Nghe báo cáo tình hình tài chính và vốn thực hiện các dự án lớn trong quý IV năm 2013;
- Công tác tổ chức bộ máy;
- Thảo luận các phương án cải tạo trụ sở Công ty.

g) **Phiên II.19:** Họp ngày 31/10/2013 tại trụ sở Công ty. Phiên họp đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Nghe báo cáo sơ kết kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) 9 tháng đầu năm 2013 và kế hoạch quý IV/2013, thảo luận các biện pháp đôn đốc hoàn thành chỉ tiêu doanh thu theo kế hoạch;
- Thông qua Phương án chi tiết chào bán cổ phần riêng lẻ;
- Chỉ đạo người đại diện phần vốn tại Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (TANICHEM);
- Công tác cán bộ.

h) **Phiên II.20:** Họp ngày 10/12/2013 tại trụ sở Công ty. Phiên họp đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Nghe báo cáo và thảo luận các biện pháp đơn đốc doanh thu và các khoản phải thu cuối năm 2013;

- Chỉ đạo các nội dung chuẩn bị cho công tác Kiểm toán nội bộ, Kiểm toán độc lập năm 2013 và công tác lập kế hoạch cho năm 2014;

Công tác cán bộ.

❖ **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành**

Hoạt động của Ông Đỗ Hiên Ngang:

- a) Lập chương trình và kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- b) Chủ trì việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
- c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị;
- d) Chủ trì công tác tiếp thị chiến lược, xây dựng chiến lược marketing của Công ty;
- e) Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho Công ty;
- f) Trực tiếp chủ trì và tham gia công tác xây dựng các quy định, quy chế nội bộ của Công ty;
- g) Công tác nghiên cứu - phát triển và hợp tác - đầu tư; Phát triển thương hiệu và xây dựng văn hóa Công ty;
- h) Xây dựng tài sản tri thức;
- i) Trực tiếp tham gia điều hành dự án DAP2 (dự án trọng điểm của Công ty) với vai trò Giám đốc dự án.

❖ **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không có.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Văn Bang	Trưởng ban	36.000	1,21
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	41.332	1,39
Bà Nguyễn Thị Bích	Thành viên	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát (BKS):

Năm 2013 BKS đã tiến hành họp 5 phiên (từ phiên thứ 8 đến phiên 12), cụ thể:

✚ **Phiên thứ 8 họp ngày 19/3/2013 BKS đã thảo luận và thống nhất các nội dung sau:**

- Đánh giá kết quả SXKD năm 2012 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2013 của Công ty.
- Xem xét, thẩm tra BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012.
- Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty cho năm tài chính 2013 trình ĐHĐCĐ phê chuẩn.
- Thông qua dự kiến kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2013 và giữa 02 kỳ hội nghị

ĐHĐCĐ thường niên.

- Thông qua toàn văn dự thảo Báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2013.
- Một số kiến nghị của BKS đối với HĐQT và Giám đốc Công ty.

 Phiên thứ 9 họp ngày 10/4/2013 BKS đã thảo luận và thống nhất các nội dung sau:

- Xem xét các tài liệu trình hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2013 (11 tài liệu).
- Sau khi xem xét, BKS nhất trí với nội dung của các tài liệu do HĐQT và ban điều hành trình ĐHĐCĐ.

 Phiên thứ 10 họp ngày 21/5/2013 BKS đã thảo luận và thống nhất các nội dung sau:

- Trưởng BKS báo cáo kết quả hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 họp ngày 20/4/2013 và việc triển khai thực hiện nghị quyết hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2013 của HĐQT, Giám đốc Công ty và BKS.

- BKS đã tiếp cận và quán triệt các mục tiêu, chỉ tiêu chính về SXKD năm 2013 đã được ĐHĐCĐ đề ra, như:

- + Giá trị SXCN: 400 tỷ đồng
- + Doanh thu: 380 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 13 tỷ đồng
- + Nộp ngân sách: 9,7 tỷ đồng
- + Đầu tư xây dựng: 14,5 tỷ đồng
- + Trả cổ tức: 15%

+ Triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Công ty với nguồn kinh phí được trích từ lợi nhuận trước thuế với mức 6% cho năm 2012 và 8% cho năm 2013.

 Phiên thứ 11 họp ngày 15/8/2013 BKS đã thảo luận và thống nhất các nội dung sau:

- Đánh giá hoạt động SXKD của Công ty trên cơ sở báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2013 và báo cáo kiểm toán BCTC giữa niên độ tại ngày 30/6/2013 với các chỉ tiêu:

- + Giá trị SXCN: 198 tỷ đồng, đạt 50% kế hoạch
- + Doanh thu: 136,9 tỷ đồng, đạt 36% kế hoạch
- + Lợi nhuận trước thuế: 4,36 tỷ đồng, đạt 35% kế hoạch
- + Nộp ngân sách: 16,8 tỷ đồng, đạt 173% kế hoạch
- + Đầu tư xây dựng: 0,77 tỷ đồng, đạt 5% kế hoạch

- Đánh giá của BKS đối với hoạt động của HĐQT, điều hành của Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý.

- Kiểm điểm hoạt động của BKS 6 tháng đầu năm 2013
- Một số kiến nghị của BKS.

 Phiên thứ 12 họp ngày 05/11/2013 BKS đã thảo luận và thống nhất các nội dung sau:

- BKS nghe Phòng Kế hoạch - KD báo cáo sơ kết công tác SXKD 9 tháng đầu năm 2013 với các chỉ tiêu đạt được:

- + Giá trị SXCN: 266,8 tỷ đồng, đạt 66,7% kế hoạch

- + Doanh thu: 229,3 tỷ đồng, đạt 60% kế hoạch
- + Lợi nhuận trước thuế: 7,89 tỷ đồng, đạt 60,7% kế hoạch
- + Nộp ngân sách: 16,8 tỷ đồng, đạt 173% kế hoạch
- + Đầu tư xây dựng: 3,4 tỷ đồng, đạt 24% kế hoạch
- BKS nghe Kế toán trưởng Công ty báo cáo quyết toán tổng hợp toàn Công ty (BCTC) 9 tháng đầu năm 2013.
- BKS nghe Thư ký Công ty báo cáo nội dung và kết quả các phiên họp của HĐQT trong quý III/2013 và tháng 10/2013.
- BKS đã đánh giá giám sát đối với HĐQT, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý trong quý III/2013.

Đánh giá các phiên họp của BKS

- Các phiên họp của BKS được tổ chức theo đúng trình tự của Điều lệ Công ty và pháp luật, có đầy đủ các thành viên BKS tham dự, Trưởng BKS chủ trì cuộc họp, Thư ký Công ty là thư ký cuộc họp đã thực hiện ghi chép và lập biên bản cuộc họp.
- Tùy theo nội dung và tính chất cuộc họp, BKS đã mời một số cán bộ quản lý của Công ty tham dự như Kế toán trưởng, Phòng Kế hoạch - KD, Phòng Pháp chế & QLTT, Phòng Tổ chức - HC,... Các thành viên BKS đã chất vấn các đại biểu và nhận được các ý kiến trả lời, làm rõ các nội dung được chất vấn

Dự kiến chương trình hoạt động của BKS trong năm 2014 và giữa 02 kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 - 2015.

TT	Phiên họp	Nội dung
1	Phiên thứ 13 ngày 13/01/2014	- Họp nội bộ BKS để tổng kết hoạt động của BKS năm 2013, dự kiến chương trình hoạt động năm 2014, phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS thực hiện công việc quý I/2014. - Họp liên tịch với HĐQT, Giám đốc Công ty về phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc Công ty trong năm 2014.
2	Phiên thứ 14 dự kiến từ 10/3 đến 20/3/2014.	- Đánh giá kết quả SXKD năm 2013 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2014 của Công ty. - Xem xét, thẩm tra BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty kết thúc vào 31/12/2013 (yêu cầu các thành viên BKS xem trước, đ/c Bích xem xét, đánh giá, có báo cáo bằng văn bản thông qua BKS để đưa vào báo cáo chung của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2014). - Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014 để trình ĐHĐCĐ phê chuẩn. - Thông qua toàn văn dự thảo báo cáo của BKS trình hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2014. - Các nội dung khác.

TT	Phiên họp	Nội dung
3	Phiên thứ 15 (dự kiến họp trước ngày khai mạc hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2014 của Công ty).	- Xem xét các công việc, tài liệu liên quan trình hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2014. - Các nội dung khác.
4	Phiên thứ 16 (dự kiến đầu tháng 5/2014).	- Tiếp cận kế hoạch SXKD năm 2014 của Công ty đã được ĐHĐCĐ đề ra và triển khai thực hiện nghị quyết của hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2014.
5	Phiên thứ 17 (dự kiến cuối tháng 7/2014).	- Đánh giá kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty trên cơ sở BCTC 6 tháng đầu năm 2014. - Đánh giá giám sát của BKS với hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty trong 6 tháng đầu năm 2014. - Kiểm điểm hoạt động của BKS 6 tháng đầu năm 2014.
6	Phiên thứ 18 (dự kiến đầu tháng 10/2014).	- Đánh giá kết quả SXKD của Công ty 9 tháng đầu năm 2014 trên cơ sở BCTC Quý III và 9 tháng đầu năm 2014 và việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ trong 9 tháng.
7	Phiên thứ 19 (dự kiến đầu tháng 01/2015).	- Đánh giá sơ bộ việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2014 của HĐQT, Giám đốc Công ty và kết quả quản trị của lãnh đạo Công ty trong năm 2014.
8	Phiên thứ 20 (dự kiến trong tháng 3/2015).	- Xem xét các công việc và tài liệu liên quan trình hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2015. - Lập và thông qua báo cáo hoạt động của BKS, giữa hai kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2014 - 2015 trình hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2015.
9	Các hoạt động khác.	- Đánh giá, giám sát hoạt động và sử dụng vốn của các chi nhánh và Công ty con của CECO. + Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty VMEC. + Các Chi nhánh phía Bắc. - Đánh giá tuân thủ hoạt động của một số phòng quản lý của Công ty. Tùy theo nội dung đánh giá, BKS bố trí người tham gia đánh giá vào thời điểm phù hợp. - Trưởng BKS tham gia các cuộc họp của HĐQT.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

✚ Lương: Các thành viên HĐQT tham gia công tác điều hành, Giám đốc, các Phó Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý được hưởng các loại lương như lương thời gian, lương quản lý, lương năng suất và lương bổ sung theo Quy chế Lương của Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-CTTK ngày 16/2/2012 của HĐQT Công ty).

✚ Thưởng: Năm 2013 HĐQT đề xuất ĐHĐCĐ thông qua việc trích Quỹ thưởng HĐQT, ban điều hành mức trích 3,5% lợi nhuận sau thuế vì năm 2013 HĐQT, ban điều hành đã thực hiện tốt công tác quản trị và điều hành công ty đạt hiệu quả cao như doanh thu tăng 2,6 lần so với năm 2012, lợi nhuận tăng 188% so với năm 2012, tỷ suất lợi nhuận/vốn đầu tư của chủ sở hữu đạt 56%...

✚ Thù lao: Các thành viên HĐQT, BKS được hưởng thù lao theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2013, cụ thể:

Nội dung	Năm 2013
I. Mức thù lao của HĐQT	
1. Chủ tịch HĐQT chuyên trách (Ông Đỗ Hiền Ngang):	Không
2. Thành viên HĐQT (4 thành viên):	2.500.000 đồng/tháng
II. Mức thù lao của BKS	
1. Trưởng ban kiểm soát (Ông Nguyễn Văn Bang):	2.500.000 đồng/tháng
2. Thành viên BKS (2 thành viên):	1.500.000 đồng/tháng
III. Mức thù lao Thư ký Công ty:	2.000.000 đồng/tháng
Tổng cộng mức thù lao trả/năm	210.000.000đồng/năm

✚ Các lợi ích khác:

Từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, các Phó giám đốc và cán bộ quản lý được hưởng các chế độ công tác phí, tiếp khách, trang bị điện thoại, thanh toán cước phí viễn thông theo các mức cụ thể quy định tại Quy định về trang bị, thanh toán cước phí và quản lý phương tiện viễn thông cho cá nhân sử dụng phục vụ công tác (ban hành theo Quyết định số 278/QĐ-CTTK ngày 29/12/2012 của Giám đốc Công ty) và Quy định về chế độ công tác phí, tiếp khách, hội nghị (ban hành theo quyết định số 280/QĐ-CTTK ngày 29/12/2012 của Giám đốc Công ty).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu ở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Văn	Cổ đông	41.000	1,37	36.000	1,21	Bán

	Bang	nội bộ					
2	Nguyễn Thu Trang	Con gái	0	0	5.000	0,17	Mua

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: HĐQT và ban điều hành Công ty đã thực hiện đúng các quy định trong Điều lệ Công ty, các quy định về quản trị công ty đại chúng theo quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2014, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyễn Quốc Hùng

Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0295-2013-146-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA -IAFC

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Đinh Thế Hùng

Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1917-2013-146-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Dưới đây là báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu

B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		187.225.260.015	106.962.378.816
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	12.813.319.924	43.123.456.507
1. Tiền	111		12.813.319.924	28.123.456.507
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	15.000.000.000
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.756.218.580	33.015.153.714
1. Phải thu khách hàng	131		103.633.645.267	31.647.538.461
2. Trả trước cho người bán	132		18.532.519.681	1.721.090.700
3. Các khoản phải thu khác	135	4	996.842.549	1.053.313.470
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.406.788.917)	(1.406.788.917)
III- Hàng tồn kho	140	5	45.278.156.244	26.593.512.836
1. Hàng tồn kho	141		45.278.156.244	26.593.512.836
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		7.377.565.267	4.230.255.759
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.887.822.850	803.494.649
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	154		18.765.792	1.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.470.976.625	3.425.761.110
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.995.650.418	25.365.249.055
I- Tài sản cố định	220		20.974.282.305	21.217.108.975
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	18.600.373.971	18.564.670.641
- Nguyên giá	222		31.599.498.815	29.783.328.032
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.999.124.844)	(11.218.657.391)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	2.373.908.334	2.652.438.334
- Nguyên giá	228		2.951.650.000	2.811.650.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(577.741.666)	(159.211.666)
II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8	1.638.000.000	1.638.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1.638.000.000	1.638.000.000
II- Tài sản dài hạn khác	260		21.383.368.113	2.510.140.080
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.015.613.839	1.694.523.304
2. Tài sản dài hạn khác	268	10	20.367.754.274	815.616.776
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		231.220.910.433	132.327.627.871

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

*_

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		173.640.477.867	94.118.247.264
I- Nợ ngắn hạn	310		171.612.703.774	93.548.378.419
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	38.601.451.083	3.709.890.000
2. Phải trả người bán	312		45.327.229.740	7.066.935.287
3. Người mua trả tiền trước	313		25.906.521.963	59.910.610.742
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	5.577.416.810	7.029.465.906
5. Phải trả người lao động	315		2.316.894.099	786.698.054
6. Chi phí phải trả	316	13	53.776.413.390	14.046.178.151
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	934.252.236	2.233.422.853
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(827.475.547)	(1.234.822.574)
II- Nợ dài hạn	330		2.027.774.093	569.868.845
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.027.774.093	569.868.845
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.266.261.428	31.504.067.322
I- Vốn chủ sở hữu	410	15	50.089.973.550	30.997.553.445
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.885.180.000	17.579.520.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.731.913.124	5.857.499.948
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.213.208.792	879.485.488
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.259.671.634	6.681.048.009
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		176.287.878	506.513.877
1. Nguồn kinh phí	432	16	176.287.878	506.513.877
C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		7.314.171.138	6.705.313.285
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		231.220.910.433	132.327.627.871

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
1. Ngoại tệ các loại (USD)	005		1.790,85	290,61

Trần Ngọc Sơn

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Đinh Đức Bộ

Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	433.738.452.670	163.142.389.095
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	260.425.020	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	433.478.027.650	163.142.389.095
4. Giá vốn hàng bán	11	20	381.189.479.271	132.633.649.291
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.288.548.379	30.508.739.804
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.530.125.052	1.196.827.454
7. Chi phí tài chính	22	22	2.605.024.552	2.841.180.773
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>640.283.050</i>	<i>2.839.169.994</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	758.349.479
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.872.854.472	19.144.806.492
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.340.794.407	8.961.230.514
11. Thu nhập khác	31		565.299.426	1.167.908.456
12. Chi phí khác	32		259.447.350	1.185.333.188
13. Lợi nhuận khác	40		305.852.076	(17.424.732)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.646.646.483	8.943.805.782
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	4.758.788.337	2.257.444.488
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.887.858.146	6.686.361.294
17. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	70		608.857.853	5.313.285
18. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty Mẹ	80		13.279.000.293	6.681.048.009
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	5.082	3.803

Trần Ngọc Sơn

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Đinh Đức Bộ

Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**Mẫu****B 03-DN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.646.646.483	8.943.805.782
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.001.561.213	2.645.090.933
- Các khoản dự phòng	03	-	548.179.917
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(68.540.708)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(496.842.842)	(1.194.816.675)
- Chi phí lãi vay	06	640.283.050	2.839.169.994
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	22.723.107.196	13.781.429.951
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(91.888.374.374)	2.195.935.381
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(18.684.643.408)	1.572.437.410
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11	43.367.482.265	36.300.990.623
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	678.909.465	1.004.495.446
- Tiền lãi vay đã trả	13	(689.652.943)	(3.012.141.512)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.446.231.189)	(1.375.718.458)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	38.725.261.719	12.281.610.644
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(58.722.120.778)	(15.843.670.255)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(67.936.262.047)	46.905.369.230
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài	21	(6.512.692.067)	(3.257.640.186)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài	22	-	8.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	-	(500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24	-	3.677.114.168
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.404.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	2.560.787.820	1.196.827.454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.951.904.247)	(279.698.564)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của	31	9.845.180.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	49.933.234.483	41.834.880.041
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(15.041.673.400)	(54.527.670.287)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.164.313.600)	(2.636.828.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	41.572.427.483	(15.329.618.246)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(30.315.738.811)	31.296.052.420
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	43.123.456.507	11.827.404.087
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	5.602.228	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.813.319.924	43.123.456.507

Trần Ngọc Sơn
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Đinh Đức Bộ
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng
Giám đốc

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (Nay là Tập đoàn Hóa chất Việt nam). Công ty được phê duyệt phương án chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần với tên giao dịch Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 2 năm 2006 và , đăng ký thay đổi lần 10 ngày 25 tháng 02 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn điều lệ của Công ty là : 29.885.180.000 đồng với tổng số cổ phần là 2.988.518 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000đ/CP. Trong đó cơ cấu vốn góp của các cổ đông như sau :

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 15.768.180 đồng (1.576.818.000CP) bằng 52,76% vốn điều lệ.

Các cổ đông khác: 14.117.000 đồng (1.411.117.000 CP) bằng 47,24% vốn điều lệ.

Lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ hoạt động chính của Công ty là Tư vấn đầu tư và phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu...; Quản lý dự án ĐTXD công trình; thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường ...

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài chức năng kinh doanh đã đăng ký.

Trụ sở chính của Công ty tại số 21A , phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng nhà các loại;

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

Xây dựng công trình công ích;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu, công trình công nghiệp; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Hoạt động tư vấn quản lý (mã ngành: 70200); Hoàn thiện công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống điện; Chuẩn bị mặt bằng; Phá dỡ; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy;

Thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng, các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Xử lý chất thải công nghiệp; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Thầu và tổng thầu (EPC) xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có quy mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Tổng thầu các công trình có vốn đầu tư nước ngoài; Sản xuất một số sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)/.

Công ty có 1 Công ty con tại thời điểm 31/12/2013 được hợp nhất

Tên giao dịch	Trụ sở
Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Gia công cơ khí gồm: Khung nhà tiền chế, vì kèo các loại dùng trong ngành xây dựng...
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	55,33%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	55,33%

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty Mẹ và Công ty Con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành cùng với các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

– Ước tính kế toán

- Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

– Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính “Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại Công ty Con, khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (sau khi bù trừ số chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

Chính sách kế toán áp dụng

– 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

- Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính “Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

– 2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

2.1 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

4. Phương pháp ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình:

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Tài sản cố định hữu hình**Thời gian sử dụng**

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 15 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm

Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy kế toán và khác	3 - 8 năm
------------------------------	-----------

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài phần lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần vốn chủ sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tài sản và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

6. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:**7.1. Chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Những khoản chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

7.2. Chi phí khác:

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

7.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

8.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8.2 Trích Bảo hiểm thất nghiệp:

Bảo hiểm thất nghiệp được trích, nộp theo hướng dẫn tại Nghị định 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về Bảo hiểm thất nghiệp.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

10.1 Doanh thu bán hàng

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ : Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

10.3 Doanh thu Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo sau:

- Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi công việc đã hoàn thành, có biên bản nghiệm thu, bảng thanh toán khối lượng được chủ đầu tư xác nhận, bảng tổng hợp kinh phí hoàn thành, phiếu giá thanh toán (nếu có) và bản thanh lý hợp đồng mà không phụ thuộc vào thu tiền

10.4. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

14. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

15. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

3. TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	2.276.885.050	1.513.661.059
Tiền gửi ngân hàng	10.536.434.874	26.609.795.448
Các khoản tương đương tiền	-	15.000.000.000
Cộng	12.813.319.924	43.123.456.507

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khác	996.842.549	1.053.313.470
<i>Phải thu tiền thuế TNCN của NLĐ</i>	305.278.405	664.649.558
<i>Phải thu bên LD tiền phạt</i>		22.411.050
<i>Phải thu BHXH</i>	75.971.928	131.423.223
<i>Khác</i>	615.592.216	234.829.639
Cộng	996.842.549	1.053.313.470

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.048.976.212	143.524.355
Công cụ, dụng cụ	12.165.368	922.400
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	44.217.014.664	26.449.066.081
Cộng giá gốc hàng tồn kho	45.278.156.244	26.593.512.836
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	45.278.156.244	26.593.512.836

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2013	15.444.636.875	6.867.847.362	5.912.733.174	1.558.110.621	29.783.328.032
Tăng trong năm	189.136.294	515.443.633	3.041.472.706	601.327.273	4.347.379.906
Mua trong năm	-	515.443.633	3.041.472.706	601.327.273	4.158.243.612
Đầu tư XD CB hoàn thành	189.136.294	-	-	-	189.136.294
Giảm trong năm	45.800.000	595.959.224	28.101.753	1.861.348.146	2.531.209.123
Giảm khác	45.800.000	595.959.224	28.101.753	1.861.348.146	2.531.209.123
Số dư tại 31/12/2013	15.587.973.169	6.787.331.771	8.926.104.127	298.089.748	31.599.498.815
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2013	5.058.343.330	2.657.312.428	2.537.693.312	965.308.321	11.218.657.391
Tăng trong năm	996.642.639	1.169.193.216	1.032.899.337	384.296.021	3.583.031.213
Khấu hao trong năm	996.642.639	1.169.193.216	1.032.899.337	384.296.021	3.583.031.213
Giảm trong năm	9.114.684	525.737.619	5.592.548	1.262.118.909	1.802.563.760
Giảm khác	9.114.684	525.737.619	5.592.548	1.262.118.909	1.802.563.760
Số dư tại 31/12/2013	6.045.871.285	3.300.768.025	3.565.000.101	87.485.433	12.999.124.844
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2013	10.386.293.545	4.210.534.934	3.375.039.862	592.802.300	18.564.670.641
Tại 31/12/2013	9.542.101.884	3.486.563.746	5.361.104.026	210.604.315	18.600.373.971
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					1.754.406.053

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2013	719.000.000	2.092.650.000	2.811.650.000
Tăng trong năm	-	140.000.000	140.000.000
Mua trong năm		140.000.000	140.000.000
Số dư tại 31/12/2013	719.000.000	2.232.650.000	2.951.650.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2013		159.211.666	159.211.666
Tăng trong năm		418.530.000	418.530.000
Khấu hao trong năm		418.530.000	418.530.000
Số dư tại 31/12/2013	-	577.741.666	577.741.666
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2013	719.000.000	1.933.438.334	2.652.438.334
Tại 31/12/2013	719.000.000	1.654.908.334	2.373.908.334

(*)

TSCĐ vô hình khác là Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 và hệ thống phần mềm thiết kế PDMS. Tăng trong năm là phần mềm kế toán.

8. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013			01/01/2013	
	% vốn điều lệ	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác					
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	6,50%	163.800	1.638.000.000	163.800	1.638.000.000
Tổng		163.800	1.638.000.000	163.800	1.638.000.000

(*) Tỷ lệ vốn góp của Công ty CECO vào Công ty CP CNHC Tây Ninh là 6,5%/ vốn điều lệ (tương đương 7.800.000.000 đồng). Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang góp vốn theo tiến độ là 1.638.000.000 đồng. Ngày 22/01/2014, Công ty đã nhận được văn bản số 95/HCVN-HĐTV của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam v/v chấp thuận cho CECO thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Hóa chất Tây Ninh.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn khác		
<i>Công cụ dụng cụ chờ phân bổ</i>	1.015.613.839	458.492.756
<i>Chi phí Sửa chữa TSCĐ</i>		120.742.728
<i>Chi phí thuê nhà kỳ 2013</i>		72.000.000
<i>Chi phí GPMB</i>		1.043.287.820
Cộng	1.015.613.839	1.694.523.304

10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	20.367.754.274	815.616.776
Cộng	20.367.754.274	815.616.776

(*) Là khoản ký quỹ tại Ngân hàng Công thương VN - Chi nhánh Đồng Đa và khoản ký quỹ dài hạn mở tại Ngân hàng MB Chi nhánh Hoàn Kiếm. Mục đích ký quỹ là bảo lãnh dự thầu và thực hiện hợp đồng EPC.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	38.601.451.083	3.709.890.000
<i>Vay cán bộ công nhân viên (a)</i>	4.900.000.000	3.709.890.000
<i>Ngân hàng Vietinbank CN Đồng Đa (b)</i>	33.701.451.083	
Cộng	38.601.451.083	3.709.890.000

(a) Vay cán bộ công nhân viên các chi nhánh: 4.000.000.000 đồng. Lãi suất thả nổi theo bình quân liên ngân hàng, biên độ 3%-5%, kỳ hạn từ 6-12 tháng, vay tín chấp.

(b) Vay của Ngân hàng Công thương Chi nhánh Đồng Đa theo biên bản ghi nhớ hạn mức tín dụng 170 tỷ đồng. Lãi suất từ 10% - 10,5%/năm, kỳ hạn vay là 3,4 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Hình thức vay là tín chấp..

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.606.538.709	5.258.541.148
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.906.094.353	1.593.537.205
Thuế thu nhập cá nhân	64.783.748	177.387.553
Cộng	5.577.416.810	7.029.465.906

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	53.776.413.390	14.046.178.151
<i>Trích trước các chi phí các công trình</i>	<i>53.196.130.144</i>	<i>13.926.229.470</i>
<i>Trích trước tiền thuê nhà CN Tp HCM</i>	<i>473.249.913</i>	<i>14.545.455</i>
<i>Chi phí lãi vay phải trả</i>		<i>105.403.226</i>
Cộng	53.776.413.390	14.046.178.151

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	4.054.948	659.458.555
Bảo hiểm xã hội	-	265.743.707
Bảo hiểm thất nghiệp	-	125.876.721
Các khoản phải trả, phải nộp khác	930.197.288	1.182.343.870
<i>Công ty cổ phần Tuấn Lâm</i>	<i>548.999.550</i>	<i>548.999.550</i>
<i>Góp vốn theo tiến độ</i>	<i>127.500.000</i>	
<i>Phạt vi phạm hợp đồng, tiền phạt HC thuế</i>		<i>413.676.052</i>
<i>Khác</i>	<i>253.697.738</i>	<i>219.668.268</i>
Cộng	934.252.236	2.233.422.853

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2011	17.579.520.000	(2.010.779)	5.057.829.101	736.156.144	3.866.586.879	27.238.081.345
Tăng trong năm	-	-	799.670.847	143.329.344	6.681.048.009	7.624.048.200
Tăng vốn năm trước			799.670.847	143.329.344		943.000.191
Lãi năm trước					6.681.048.009	6.681.048.009
Giảm nguồn vốn	-	(2.010.779)	-	-	3.866.586.879	3.864.576.100
Giảm vốn năm trước					2.636.928.000	2.636.928.000
Phân phối lợi nhuận năm trước					1.229.658.879	1.229.658.879
Giảm khác		(2.010.779)				(2.010.779)
Số dư tại 31/12/2011	17.579.520.000	-	5.857.499.948	879.485.488	6.681.048.009	30.997.553.445
Số dư tại 01/01/2013	17.579.520.000	-	5.857.499.948	879.485.488	6.681.048.009	30.997.553.445
Tăng trong năm	12.305.660.000	-	1.334.893.176	333.723.304	13.279.000.293	27.253.276.773
Tăng vốn năm nay (*)	12.305.660.000					12.305.660.000
Phân phối lợi nhuận năm nay			1.334.893.176	333.723.304		1.668.616.480
Lãi năm nay					13.279.000.293	13.279.000.293
Giảm trong năm	-	-	2.460.480.000	-	5.700.376.668	8.160.856.668
Tăng nguồn vốn			2.460.480.000			2.460.480.000
Chia cổ tức 18% vốn điều lệ					3.164.313.600	3.164.313.600
Trích quỹ đầu tư phát triển					1.334.893.176	1.334.893.176
Trích quỹ dự phòng tài chính					333.723.304	333.723.304
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi					867.446.588	867.446.588
Số dư tại 31/12/2013	29.885.180.000	-	4.731.913.124	1.213.208.792	14.259.671.634	50.089.973.550

(*) Theo Báo cáo gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận chào bán số 63/GCN-UBCK ngày 24/12/2012 của UBCK NN, Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất đã thực hiện chào bán thành công 1.230.566 cổ phiếu (chiếm 100% tổng số cổ phần được phép chào bán) tương ứng với số tiền là 12.305.660.000 đồng để tăng vốn điều lệ. Trong đó tổng số tiền thu bằng thu từ việc bán cổ phiếu là 9.845.180.000 đồng và phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển là 2.460.480.000 đồng.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn góp của Tập đoàn HC Việt Nam	15.768.180.000	9.275.400.000
Vốn góp của đối tượng khác	14.117.000.000	8.304.120.000
Cộng	29.885.180.000	17.579.520.000

c.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	17.579.520.000	17.579.520.000
Vốn góp tăng trong năm	12.305.660.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	29.885.180.000	17.579.520.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.164.313.600	2.636.828.000

d. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên ngày 20/04/2013 đã quyết định chia cổ tức năm 2012 là 15% trên vốn điều lệ và Công ty đã thực hiện chi trả bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng trong năm.

e. Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.988.518	1.757.952
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.988.518	1.757.952
Cổ phiếu phổ thông	2.988.518	1.757.952
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.988.518	1.757.952
Cổ phiếu phổ thông	2.988.518	1.757.952
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

f. Các quỹ của doanh nghiệp.

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	4.731.913.124	5.857.499.948
Quỹ dự phòng tài chính	1.213.208.792	879.485.488

16. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	506.513.877	(78.966.123)
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	490.000.000	
Chi sự nghiệp	(820.225.999)	
Điều chỉnh nguồn		585.480.000
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	176.287.878	506.513.877

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	433.738.452.670	163.142.389.095
Cộng	433.738.452.670	163.142.389.095

18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	260.425.020	-
Cộng	260.425.020	-

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần	433.478.027.650	163.142.389.095
Cộng	433.478.027.650	163.142.389.095

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng đã bán	381.189.479.271	132.633.649.291
Cộng	381.189.479.271	132.633.649.291

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.455.982.116	1.196.827.454
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.602.228	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	68.540.708	-
Cộng	2.530.125.052	1.196.827.454

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	640.283.050	2.839.169.994
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	2.010.779
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.964.741.502	-
Cộng	2.605.024.552	2.841.180.773

23. THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	4.758.788.337	2.257.444.488
Cộng	4.758.788.337	2.257.444.488

CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.646.646.483	8.943.805.782
+ Các khoản điều chỉnh tăng	525.047.697	488.007.150
- Điều chỉnh theo BB Thuế	374.434.708	488.007.150
- Chi phí không được trừ	150.612.989	
+ Các khoản điều chỉnh giảm	136.540.834	402.034.982
- Điều chỉnh theo BB Thuế	68.000.126	27.600.274
- Điều chỉnh theo BB KTN		374.434.708
Tổng thu nhập chịu thuế	19.035.153.346	9.029.777.950
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.758.788.337	2.257.444.488
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.758.788.337	2.257.444.488

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	13.887.858.146	6.686.361.294
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	13.887.858.146	6.686.361.294
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.732.638	1.757.952
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.082	3.803

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	303.253.761.374	100.475.733.972
Chi phí nhân công	74.973.650.048	36.037.790.186
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.001.561.213	2.645.090.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.163.485.657	7.528.997.601
Chi phí khác bằng tiền	30.880.797.456	9.659.916.540
Cộng	415.273.255.748	156.347.529.233

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

26.1 Các sự kiện sau ngày khóa sổ

Ngày 22/01/2014, Công ty đã nhận được văn bản số 95/HCVN-HĐTV của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam v/v chấp thuận cho CECO thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Hóa chất Tây Ninh. Số vốn thực góp đến thời điểm 31/12/2013 của CECO tại Công ty Cổ phần Hóa chất Tây Ninh là 1.638.000.000 đồng.

26.2 Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Tài sản tài chính</i>	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.813.319.924		43.123.456.507	
Phải thu khách hàng	103.633.645.267	(1.406.788.917)	31.647.538.461	(1.406.788.917)
Các khoản phải thu khác	996.842.549		1.053.313.470	
Cộng	117.443.807.740	(1.406.788.917)	75.824.308.438	(1.406.788.917)
	Giá trị ghi sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	VND		VND	
<i>Nợ phải trả tài chính</i>				
Vay và nợ	38.601.451.083		3.709.890.000	
Phải trả người bán	45.327.229.740		7.066.935.287	
Chi phí phải trả	53.776.413.390		14.046.178.151	
Các khoản phải trả khác	934.252.236		2.233.422.853	
Cộng	138.639.346.449		27.056.426.291	

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, không bao gồm các khoản trích lập dự phòng phải thu.

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch vay và nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc một đối tác không đáp ứng được nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tính hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2013	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	38.601.451.083	-		38.601.451.083
Phải trả người bán	45.327.229.740			45.327.229.740
Chi phí phải trả	53.776.413.390			53.776.413.390
Các khoản phải trả khác	934.252.236			934.252.236
Cộng	138.639.346.449	-	-	138.639.346.449
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	3.709.890.000	-		3.709.890.000
Phải trả người bán	7.066.935.287			7.066.935.287
Chi phí phải trả	14.046.178.151			14.046.178.151
Các khoản phải trả khác	2.233.422.853			2.233.422.853
Cộng	27.056.426.291	-	-	27.056.426.291

Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

25.3 Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Giao dịch bán

			Năm 2013
Đối tượng	Mối quan hệ	Tính chất	VND
Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Công ty Mẹ	Doanh thu	786.959.372
Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	739.516.365
Công ty TNHH một thành viên Đạm Ninh Bình	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	72.727.273
Công ty TNHH MTV DAP - Vinachem	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	2.580.095.455
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	2.501.410.273
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	60.000.000
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	9.090.909
Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	289.480.607.116
Ban QLDA DAP Hải Phòng	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	3.985.397
Công ty TNHH MTV Phân đạm và HC Hà Bắc	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	27.069.666.797
Công ty Cổ phần Xà Phòng Hà Nội	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	294.770.909
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	886.545.455
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và HC Lâm Thao	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	3.000.750.000
Ban QLDA Đạm Ninh Bình	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	207.311.818
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phương Đông	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	272.727.273
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Hóa chất Vi Sinh	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	220.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	641.818.182
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	3.544.345.455

Số dư với các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	31/12/2013	31/12/2013
		VND	VND
		Phải thu	Ứng trước
Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Công ty Mẹ		699.622.000
Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	381.600.000	
Công ty Cổ phần Phân Lân Nung chảy Văn Điển	Cùng Tập đoàn		1.000.000.000
Công ty cổ phần DAP số 2	Cùng Tập đoàn	67.814.120.933	318.110.000
Ban quản lý dự án DAP Hải Phòng	Cùng Tập đoàn	201.787.842	
Công ty Cổ phần Xà Phòng Hà Nội	Cùng Tập đoàn	275.000.000	
Công ty TNHH MTV DAP - Vinachem	Cùng Tập đoàn	1.296.603.401	83.500.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Cùng Tập đoàn	498.998.300	100.980.000
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	Cùng Tập đoàn		220.400.000
Công ty Cổ phần SX và TM Phương Đông	Cùng Tập đoàn		52.800.000
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và HC Lâm Thao	Cùng Tập đoàn	4.245.317.751	123.651.000
Công ty Cổ phần Bột giặt Net	Cùng Tập đoàn		168.000.000
Công ty TNHH MTV Phân đạm và HC Hà Bắc	Cùng Tập đoàn		10.799.362.666
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cùng Tập đoàn		420.400.000
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	Cùng Tập đoàn	47.500.000	
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	Cùng Tập đoàn		623.282.727
Công ty TNHH MTV Hơi kỹ nghệ Que Hàn	Cùng Tập đoàn	64.174.000	
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	89.700.000	

25.4 Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Theo đó báo cáo bộ phận được lập theo nhóm hàng sản xuất kinh doanh như sau.

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Văn phòng Công ty tại 21A Cát Linh - Hà Nội	Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất - TP HCM	Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Quảng Ngãi	Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Phú Thọ	Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng	Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hà Nội	Công ty Con	Loại trừ	Cộng
Tài sản	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013		31/12/2013
Tài sản ngắn hạn	154.270.698.950	8.934.880.363	1.155.929.093	9.203.196.499	14.352.973.321	18.980.644.459	10.270.764.216	(29.943.826.886)	187.225.260.015
Tài sản dài hạn	40.388.871.584	702.942.739	-	19.365.000	11.000.000	390.543.844	11.352.438.332	(569.511.081)	52.295.650.418
Tổng Tài sản	194.659.570.534	9.637.823.102	1.155.929.093	9.222.561.499	14.363.973.321	19.371.188.303	21.623.202.548	(30.513.337.967)	239.520.910.433
Nợ phải trả									
Nợ ngắn hạn	141.495.323.335	6.637.823.102	1.155.929.093	10.587.501.305	11.363.973.321	18.454.245.277	5.248.192.538	(21.302.510.104)	173.640.477.867
Nợ dài hạn	53.164.247.199	3.000.000.000	-	(1.364.939.806)	3.000.000.000	916.943.026	16.375.010.010	(9.210.827.863)	65.880.432.566
Tổng nợ phải trả	194.659.570.534	9.637.823.102	1.155.929.093	9.222.561.499	14.363.973.321	19.371.188.303	21.623.202.548	(30.513.337.967)	239.520.910.433
Một số chỉ tiêu hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013									
Doanh thu thuần	367.265.560.129	20.293.989.412	2.103.468.263	13.100.313.017	17.944.109.087	19.639.526.621	33.304.329.354	(40.173.268.233)	433.478.027.650
Giá vốn	326.419.046.642	18.414.936.223	1.907.319.661	11.373.963.420	16.123.362.397	18.057.530.282	29.066.588.879	(40.173.268.233)	381.189.479.271
Lợi nhuận gộp	40.846.513.487	1.879.053.189	196.148.602	1.726.349.597	1.820.746.690	1.581.996.339	4.237.740.475	-	52.288.548.379

Đơn vị tính: Đồng

STT	Lĩnh vực	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp	
		Thành tiền	Thành tiền	Thành tiền	Tỷ trọng
1	Tư vấn thiết kế	56.216.811.821	41.245.557.858	14.971.253.963	29%
2	Cung cấp vật tư, thiết bị, xây lắp, gia công chế tạo	372.237.893.484	337.276.013.318	34.961.880.166	67%
3	Giám sát môi trường	3.954.231.436	2.667.908.095	1.286.323.341	2%
4	Khác	1.069.090.909		1.069.090.909	2%
	Công	433.478.027.650	381.189.479.271	52.288.548.379	100%

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC kiểm toán. Một số chỉ tiêu kỳ trước đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu so sánh kỳ này.

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Kế toán trưởng

Giám đốc

Giám đốc



65/65